

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/3/2018

Về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi
con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hảo Phát**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Ngọc Trâm**;
2. Ông **Đinh Khắc Quỳnh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 848/2017/ST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị C. T**, sinh năm 1991; địa chỉ: Số XXA, ấp K, xã N, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Võ Thành T**, sinh năm 1989; địa chỉ: Số XXA, ấp K, xã N, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T: Ông **Phạm Thanh Đ** – Luật Văn phòng Luật sư T. Đ thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh – có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Phan Văn Đ**, sinh năm 1956 – (có đơn xin vắng mặt).

2. Bà **Phan Thị B**, sinh năm 1954 – (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số XX, ấp Y, xã N, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Anh **Phan Văn C**, sinh năm 1976 – (có đơn xin vắng mặt).

4. Chị **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1977 – (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: X/XB, ấp K, xã N, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

5. **Quỹ tín dụng nhân dân T**; địa chỉ: Số XX, đường Q, ấp H, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân T: Ông Nguyễn Minh C- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (Là người đại diện theo pháp luật) – có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 12 năm 2017, lời trình bày trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị C. T trình bày:

Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã N, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Hôn nhân là do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng sống hạnh phúc đến **tháng 11/2017** thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về kinh tế gia đình và anh T nhậu nhẹt, không lo làm ăn, có 01 lần anh T đánh chị, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay. Hiện tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Võ Phan N.A, sinh ngày 31/7/2011 và Võ Phan N.Q, sinh ngày 08/02/2015, hiện cả 02 cháu đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng (02 cháu là 2.000.000 đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có vay Quỹ tín dụng nhân dân T ngày 07/9/2017 số tiền 100.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị đứng tên chủ sử dụng do chị ký tên vay và anh T ký tên người thừa kế. Đối với số nợ này chị sẽ tự trả cho Quỹ tín dụng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Có mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh ruột chị tên Phan Văn C và vợ anh C là Nguyễn Thị Hồng H vay Ngân hàng TMCP S.T số tiền 130.000.000 đồng và mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ba mẹ chị tên Phan Văn Đ và Nguyễn Thị B vay Quỹ tín dụng T số tiền 210.000.000 đồng. Đối với 02 khoản vay này chị tự trả, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn anh Võ Thành T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về hôn nhân, tài sản chung và nợ chung. Trong thời gian chung sống do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về kinh tế gia đình, đã ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay.

Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý do còn thương vợ, thương con.

Vợ chồng chung sống có 02 người con chung như chị T trình bày, hiện cả 02 cháu đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cả 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng và thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng (02 cháu 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có nợ các khoản như chị T trình bày, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T – ông Đ trình bày:

Chị T cho rằng anh T đánh vợ, nhậu nhẹt, không lo làm ăn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Về tài sản chị cho rằng có đất nhà, có nợ các khoản trên 400.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị xin ly hôn, nuôi con. Anh T thừa nhận một phần lời trình bày của chị T nhưng anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Mâu thuẫn của anh chị là tức thời, không trầm trọng, còn có khả năng hàn gắn đoàn tụ được. Trong thời gian ly thân anh T có qua năn nỉ cha mẹ vợ và vẫn đưa con đi học, nhắn tin điện thoại mục đích hàn gắn với chị T. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho anh chị được đoàn tụ với nhau để cùng chăm lo cho con chung.

Đại diện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Quỹ tín dụng nhân dân T – ông Nguyễn Minh C trình bày:

Vào ngày 07/9/2017, chị Phan Thị C. T có vay Quỹ tín dụng T (gọi tắt là Quỹ tín dụng) số tiền 100.000.000 đồng, người thừa kế là anh Võ Thành T.

Chị T có thể chấp cho Quỹ tín dụng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất diện tích 128,9m², thuộc XX, tờ bản đồ số Z, tọa lạc ấp Y, xã N, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh chủ sử dụng Phan Thị C. T. Trong quá trình xác minh tài sản thế chấp trước khi vay của Quỹ tín dụng cho thấy phần đất trên là tài sản riêng của chị T.

Đến thời điểm ngày 09/3/2018, chị T còn nợ số tiền vay gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 1.065.200 đồng, tổng cộng 101.065.200 đồng.

Do chị T đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Quỹ tín dụng nên Quỹ tín dụng không yêu cầu giải quyết về Hợp đồng vay và thế chấp giữa chị T và Quỹ tín dụng khi chị T ly hôn với anh T. Trường hợp xảy ra tranh chấp, Quỹ tín dụng sẽ yêu cầu giải quyết ở vụ án khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị B, anh Phan Văn C, chị Nguyễn Thị Hồng H: Thống nhất trình bày không yêu cầu giải quyết về phần tiền vay liên quan đến chị T và anh T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa cho thấy, chị T và anh T tự nguyện chung sống từ năm 2010, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị T và anh T chung sống đến tháng 11/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, mâu thuẫn của anh chị không lớn, có thể hàn gắn. Anh T còn thương vợ con và có nguyện vọng xin đoàn tụ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên con chung và tài sản chung và nợ chung không đặt ra giải quyết.

Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị C. T và anh Võ Thành T tự nguyện chung sống từ năm 2010 có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T cho rằng vợ chồng không hợp tính tình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau về kinh tế gia đình, anh T nhậu nhẹt không lo làm ăn và có 01 lần đánh chị; anh T cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn không lớn và anh còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn.

Qua xem xét xác minh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh T cho thấy vợ chồng anh chị mâu thuẫn về kinh tế gia đình dẫn đến cãi vã nhau. Xét mâu thuẫn của anh chị chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn cho anh chị chung sống

với nhau, anh T vẫn còn thương vợ con và tha thiết xin được đoàn tụ. Mặc khác, anh T cũng đã làm tờ cam kết sẽ không uống rượu và chăm lo cho vợ con. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T để anh chị chung sống cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm lo cho con là phù hợp.

[2] Về con chung: Về con chung có 02 người con chung tên Võ Phan N.A, sinh ngày 31/7/2011 và Võ Phan N.Q, sinh ngày 08/02/2015 do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Chị T, anh T, ông Đ, bà B, anh C, chị H, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh T là ông Đ: là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[5] Chị T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị C. T đối với anh Võ Thành T. Giữa chị T và anh T vẫn còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên con chung, tài sản chung và nợ chung không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004961 ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị T đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh.
- VKSND tỉnh Tây Ninh
- VKSND huyện Hoà Thành.
- THADS huyện Hoà Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu tập án.

(đã ký)

Nguyễn Hảo Phát